TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 6 – 2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyến.
2. Ông Phan Công Điện.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hà Linh là Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Điền Thị Cẩm T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài. Nhưng từ năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không còn quan tâm đến gia đình, không chăm lo làm ăn, mỗi lẫn đi nhậu về thì gây chuyện vô cớ nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh L đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh L và không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Bích E, sinh năm 1996, Nguyễn Trọng N sinh năm 2000. Các con đã thành niên, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L đều vắng mặt nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh L, bị đơn anh L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn L có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Điền Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, khi có mâu thuẫn anh chị không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài, hiện tại anh chị đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Mặt khác, Toà án cũng đã tiến hành mời hòa giải cho anh chị nhưng anh L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không đến Tòa. Điều đó chứng tỏ tình cảm của anh chị đối với nhau không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Toà chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh L.

[5] *Về con chung:* Chị T và anh L có 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Bích E, sinh năm 1996, Nguyễn Trọng N sinh năm 2000. Các con đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí:* nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Điền Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: buộc chị Điền Thị Cẩm T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007826 ngày 24/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã B, PH, HG.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Em